

BÀI 15 寝ています
NETE IMASU

さくら Sakura	次は新宿駅です。さあ、降りましょう。 TSUGI WA SHINJUKU EKI DESU. SÂ, ORIMASHÔ.	Ga tới là ga Shinjuku. Nào, xuống tàu thôi!
ロドリゴ Rodrigo	あれ。あの人たち、寝ています。 ARE. ANO HITO TACHI, NETE IMASU.	Ôi! Những người đó đang ngủ.
アンナ Anna	大丈夫かな。 DAIJÔBU KANA.	Có sao không nhỉ?
さくら Sakura	大丈夫、大丈夫。ほら、起きた。 DAIJÔBU, DAIJÔBU. HORA, OKITA.	Không sao, không sao. Nhìn kìa! Họ dậy rồi.



Mẫu ngữ pháp

① _ MASHÔ (hãy _thôi!)

◈ Nếu đổi MASU thành MASHÔ sẽ được câu đề nghị.

Ví dụ: KOKO DE ORIMASU (xuống tàu/xe ở đây)

⇒ KOKO DE ORIMASHÔ (hãy xuống tàu/xe ở đây thôi!)

② Động từ thể TE + IMASU (đang làm gì)

◈ Thêm IMASU vào sau động từ thể TE để diễn đạt một hành động hoặc trạng thái nào đó đang tiếp diễn.

Ví dụ: GOHAN O TABEMASU (ăn cơm)

⇒GOHAN O TABETE IMASU (đang ăn cơm)

③ Thể phủ định của tính từ

☞ Tính từ : *Xem trang 53*

◈ Để biến tính từ đuôi I sang thể phủ định, thay đuôi I bằng KUNAI.

Để biến tính từ đuôi NA sang thể phủ định, thêm DEWANAI.

Tính từ đuôi I : ATARASHII (mới) ⇒ ATARASHIKUNAI (không mới)

Tính từ đuôi NA : DAIJÔBU (không sao/ổn) ⇒ DAIJÔBU DEWANAI (không ổn)



Từ tượng thanh và tượng hình



Từ chỉ tiếng ngáy hoặc người đang ngủ say



Từ chỉ bé sơ sinh hay trẻ nhỏ ngủ ngon và thoải mái